



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo Quyết định số: 2813 /QĐ-VPCNCLQG ngày 30 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: Công ty TNHH KMR Việt Nam

Tiếng Anh/ in English: KMR Viet Nam Company Limited

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 150 - OHSMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ / Address: Lầu 6, toà nhà Giây Việt Plaza, 180 - 182 Lý Chính Thắng, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 6th Floor, Giay Viet Plaza Building, 180-182 Ly Chinh Thang, Nieuu Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3535 4350

Email: kmarvn@kmr.com.vn

Website : www.kmr.com.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1;
- ISO/IEC TS 17021-10.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from 30 / 9 /2026 đến/ to 29 / 9 /2031



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001 cho các lĩnh vực như sau/ *Certification of occupation health and safety management system according to ISO 45001 for the scopes as follows:*

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã GLOBAL ACI/ GLOBAL ACI code	Ngành kinh tế/ <i>Economic sector</i>
Cơ khí/ <i>Mechanical</i>	17	Các sản phẩm được chế tạo từ kim loại <i>Fabricated metal products</i>
	18	Máy móc, thiết bị <i>Machinery and equipment</i>
	19	Thiết bị điện, quang <i>Electrical and optical equipment</i>
Giấy/ <i>Paper</i>	7	Giới hạn đối với “Các sản phẩm giấy” <i>Limited to “Paper products”</i>
	8	Công ty xuất bản <i>Publishing companies</i>
	9	Công ty in <i>Printing companies</i>
Xây dựng/ <i>Construction</i>	34	Dịch vụ kỹ thuật <i>Engineering services</i>
Hóa chất/ <i>Chemicals</i>	14	Cao su và các sản phẩm nhựa <i>Rubber and plastic products</i>
	15	Các sản phẩm khoáng phi kim <i>Non-metallic mineral products</i>
Dịch vụ/ <i>Services</i>	32	Môi giới tài chính; Bất động sản; Cho thuê <i>Financial intermediation; Real estate; Renting</i>
	33	Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>
	37	Giáo dục <i>Education</i>

Ghi chú/ *Note:* Công ty TNHH KMR Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *KMR Vietnam Company Limited must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*